

Số: /KH-UBND

Phong Thổ, ngày tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH
Đề xuất kinh phí năm 2023 thực hiện Chương trình MTQG
Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quyết định phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 2855/UBND-KTN ngày 09/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc tham mưu kế hoạch, đề xuất kinh phí năm 2023 thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ xây dựng kế hoạch, đề xuất kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 7 THÁNG, ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022

I. Công tác chỉ đạo, điều hành

Triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững 7 tháng đầu năm 2022 (giai đoạn 2021-2025), UBND huyện Phong Thổ đã ban hành các văn bản chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn kịp thời, đầy đủ, đồng bộ theo quy định.¹

Các văn bản kịp thời chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các cấp, các ngành tổ chức tuyên truyền, phổ biến, rà soát chính sách, dự án giảm nghèo đến các tầng lớp dân cư, người nghèo và đối tượng thụ hưởng bằng nhiều hình thức, giúp người nghèo chủ động tiếp cận với các nguồn thông tin, kiến thức, khoa học kỹ thuật, nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước để vươn lên thoát nghèo. Các chính sách, chương trình giảm nghèo được phổ biến, bước đầu rà soát, triển khai đồng bộ với các Chương trình, dự án khác đảm bảo phát huy hiệu quả; nhất là đối với hộ nghèo, cận nghèo; hộ DTTS được tiếp nhận chính sách, dự án, đảm bảo triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện địa phương.

¹ Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc Thành lập BCD các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 09/3/2022 về Xây dựng Kế hoạch trung hạn thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Công văn số 443/UBND-LĐTBXHDT ngày 19/4/2022 về việc rà soát, điều chỉnh lại nội dung kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 219a/KH-UBND ngày 01/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Công văn số 914/UBND-TCKH ngày 27/7/2022 về việc giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025.

II. Kết quả thực hiện năm 2022

1. Vốn, nguồn vốn

UBND huyện được UBND tỉnh giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tại Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 là 82.075 triệu đồng, bao gồm:

- Nguồn vốn sự nghiệp: 10.505 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: 71.570 triệu đồng, thực hiện 21 dự án.

2. Kết quả đạt được:

Với tinh thần khẩn trương, quyết liệt trong khâu chuẩn bị đầu tư, được sự quan tâm sâu sát của Thường trực Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, đến thời điểm hiện tại UBND huyện đã trình HĐND huyện đã ban hành Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09/8/2022 Phân bổ dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, tổng dự toán 82.075 triệu đồng, bao gồm: Nguồn vốn sự nghiệp: 10.505 triệu đồng. Nguồn vốn đầu tư: 71.570 triệu đồng, thực hiện 21 dự án.

Ủy ban nhân dân huyện trình kỳ họp Hội đồng nhân dân huyện thông qua phân bổ: 55.960 triệu đồng, bao gồm: Nguồn vốn sự nghiệp: 8.420 triệu đồng. Nguồn vốn đầu tư: 47.540 triệu đồng, thực hiện 15 dự án với tổng mức đầu tư 97.220 triệu đồng, giao cho Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư. Ước thực hiện hết năm 2022 giải ngân đảm bảo kế hoạch vốn giao. Căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện.

B. KẾ HOẠCH NĂM 2023

I. Bối cảnh xây dựng kế hoạch năm 2023

Trong bối cảnh các huyện nghèo nói chung, huyện Phong Thổ nói riêng đang khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững, với nguồn lực ngân sách trung ương phân bổ, huyện Phong Thổ chỉ đạo sự vào cuộc cả hệ thống chính trị tham gia, tuyên truyền, vận động, tranh thủ được sự đồng thuận tham gia hưởng ứng của người dân. Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh, nâng cao nhận thức cho cán bộ và Nhân dân. Công tác chỉ đạo điều hành được thống nhất từ huyện đến cơ sở. Các dự án được các ngành, cơ quan chuyên môn tham mưu rà soát, xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm, cả giai đoạn đảm bảo tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, chất lượng chương trình.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; giảm dần khoảng cách giàu nghèo giữa các địa bàn trong toàn huyện; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các

dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống và tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng các xã, thôn/bản nghèo nhằm sớm thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, sinh kế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin; cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, giai đoạn 2021-2025.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ nghèo (gồm hộ nghèo, cận nghèo) theo chuẩn nghèo đa chiều giảm 6%-7%/năm, trong đó: Tỷ lệ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 6%/năm.

- Hỗ trợ xây dựng, phát triển các mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm tốt, có thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Hỗ trợ người nghèo; người dân sinh sống ở vùng nghèo, vùng khó khăn nâng cao năng lực sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp.

- Phát triển đồng bộ giáo dục nghề nghiệp ở vùng nghèo, vùng khó khăn cả về quy mô và chất lượng đào tạo; hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động có thu nhập thấp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Gắn kết giáo dục nghề nghiệp với việc làm bền vững, tạo sinh kế, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người nghèo; góp phần hạn chế người dân rơi vào tình trạng đói nghèo, tái nghèo và giảm nghèo bền vững;

- Kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, phát triển thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động thuộc các vùng nghèo, vùng khó khăn; hỗ trợ cho người lao động sinh sống trên địa bàn nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Phát triển hệ thống thông tin, viễn thông phục vụ cộng đồng, tăng cường cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội; hỗ trợ người dân sinh sống trên địa bàn nghèo, người nghèo có nhu cầu tiếp cận, sử dụng hiệu quả dịch vụ thông tin, viễn thông phổ cập;

- Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em 0-16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn;

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ người nghèo tự xác định được tình trạng nghèo của hộ gia đình, kết nối với thị trường và nâng cao nhận thức, năng lực vươn lên thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no.

3. Kết quả chủ yếu cần đạt được đến năm 2025

- Phấn đấu giảm 60% số hộ nghèo, hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều.

- 100% xã được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản gồm: đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, công trình thủy lợi, cầu, hạ tầng điện.

- Hỗ trợ nhân rộng mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, khởi nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sinh trên địa bàn huyện.

- Phấn đấu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- Đào tạo nghề cho khoảng 6.000 lao động. Hỗ trợ khoảng 250 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi và từ 6-16 tuổi xuống dưới 28% và dưới 20%.

- Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 90%.

- Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động trên địa bàn huyện qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- 50% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về nhà ở được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà ở; cơ bản xóa nhà tạm, nhà đơn sơ, thiếu kiên cố đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện.

- 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

III. Nội dung hoạt động và đề xuất kinh phí thực hiện Chương trình

Kế hoạch vốn và nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững năm 2023 là 273.689 triệu đồng, trong đó: NSTW 256.067 triệu đồng; NSDP 4.662 triệu đồng; Nguồn huy động khác 12.960 triệu đồng, cụ thể:

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

1.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng

a) Nội dung thực hiện:

- + Công trình y tế cấp xã đạt chuẩn quốc gia theo quy định
- + Công trình, cơ sở vật chất trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia; phòng học kiên cố cho nhà trẻ, lớp mẫu giáo.
- + Công trình phục vụ nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho người dân (nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh: nước máy, nước giếng khoan, nước giếng đào có thành bảo vệ, nước khe mó được bảo vệ).
- + Công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu, sản xuất.
- + Công trình giao thông đường trục chính, nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện; cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa.
- + Công trình phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí cho người dân của xã.
- + Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khác do cộng đồng nghèo trên địa bàn đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc dân tộc, văn hóa, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi.
- + Công trình ở cấp xã và thôn, bản phải đảm bảo tính kết nối giữa các thôn, giữa các thôn với trung tâm xã để hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế người dân.
- Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn huyện.

b) Vốn và nguồn vốn Ngân sách Trung ương: 88.868 triệu đồng

1.2. Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

a) Mục tiêu

- Tổng giá trị sản xuất đạt 8.848 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người 45 triệu đồng/năm.

- Tổng sản lượng lương thực đạt 35.000 tấn, tốc độ tăng trưởng đàn gia súc bình quân 5%/năm.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn về xây dựng nông thôn mới đạt 43,75%; không còn xã dưới 15 tiêu chí.

- Các tuyến đường GTNT liên xã được duy tu bảo dưỡng đảm bảo đi lại thuận lợi.

- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện hưởng 55 tỷ đồng; giá trị xuất khẩu hàng địa phương đạt 30 triệu USD.

- Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi các cấp ra lớp: Mẫu giáo 98,5%, tiểu học 99,5%, trung học cơ sở 96%; tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 58,3%; tỷ lệ huy động học sinh hoàn thành THCS ra lớp (*tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT*) đạt 55%.

- Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, đến năm 2025 đạt 29,82% và thoát khỏi tình trạng huyện nghèo.

b) Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ bổ sung trực tiếp nội dung đầu tư trọng tâm, trọng điểm và duy tu, bảo dưỡng một số công trình giao thông liên xã trên địa bàn huyện phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa tạo sự đột phá, tạo động lực phát triển, tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân.

c) Vốn và nguồn vốn

- Tổng nhu cầu vốn: 125 tỷ đồng từ NSTW trong đó:

+ Vốn đầu tư: 116 tỷ đồng thực hiện 03 dự án đầu tư, nâng cấp đường giao thông (có biểu chi tiết kèm theo).

+ Vốn sự nghiệp: 9 tỷ đồng.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

b) Vốn và nguồn vốn: 12.171 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 11.805 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 366 triệu đồng.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Nội dung hỗ trợ:

- Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định.

- Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

b) Vốn và nguồn vốn: 4.835 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 4.689 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 146 triệu đồng.

3.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo. Hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

b) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương: 1.393 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Nội dung hỗ trợ:

Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm. Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã. Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

b) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương 1.896 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

4.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Nội dung hỗ trợ:

- Tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động.

- Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương 957 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Nội dung hỗ trợ:

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, xây dựng các cơ sở dữ liệu giao dịch việc làm trực tuyến “việc tìm người - người tìm việc”.

- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động. Hỗ trợ kết nối việc làm thành công. Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

b) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương 693 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Nội dung hỗ trợ:

Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m² “3 cứng” gồm nền cứng, khung-tường cứng và mái cứng, có tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

b) Vốn và nguồn vốn: 36.090 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 18.980 triệu đồng (vốn sự nghiệp)

- Ngân sách địa phương: 4.150 triệu đồng

- Nguồn huy động khác: 12.960 triệu đồng.

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

Tiểu dự án: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay, gương sáng trong công tác giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y

tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, địa phương, cơ sở.

- Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

b) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương: 346 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Kế hoạch thực hiện Chương trình

7.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Kế hoạch

a) Nội dung:

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Kế hoạch, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn.

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

b) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương: 1.044 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

7.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Nội dung thực hiện:

- Xây dựng đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất.

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ thực hiện giảm nghèo trên địa bàn.

- Cập nhật cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo các xã, thị trấn.

b) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương: 396 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

IV. Giải pháp chủ yếu

1. Về nguyên tắc thực hiện

a) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

b) Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

c) Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, các xã gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

d) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

2. Về giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực

a) Ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương phù hợp với tình hình thực tế.

b) Lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo nói chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án, nội dung thuộc Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

3. Về cơ chế quản lý, thực hiện

a) Huyện, xã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định hiện hành.

b) Về cơ chế thực hiện

- Cơ chế đặc thù thực hiện Kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Kế hoạch. Khuyến khích, mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân trên địa bàn nghèo thông qua các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, giảm nghèo về thông tin và truyền thông về giảm nghèo đa chiều; tập huấn, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, quản lý mô hình, mô hình giảm nghèo, dự án sinh kế; cơ chế hỗ trợ trực tiếp cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người học nghề thuộc đối tượng của Kế hoạch.

V. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Là cơ quan chủ trì quản lý Kế hoạch thực hiện chương trình; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, phòng, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, phòng, ban, ngành liên quan xây dựng, trình UBND huyện trình HĐND huyện ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn huyện.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, phòng, ban, ngành liên quan và ủy ban nhân dân xã, thị trấn tổ chức rà soát, xác định bổ sung xã đặc biệt khó khăn theo các tiêu chí quy định.

d) Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương Kế hoạch thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo năm 2023.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, phòng, ban, ngành liên quan và địa phương giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh theo quy định thực hiện Kế hoạch.

2. Phòng Tài Chính-Kế hoạch

a) Chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, phòng, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch hằng năm, tổng hợp kinh phí, phân bổ nguồn ngân sách trung ương để đảm bảo hoạt động của Kế hoạch.

b) Tham mưu, bố trí vốn theo tiến độ hằng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Các cơ quan, phòng, ban được giao chủ trì dự án, tiêu dự án, nội dung thành phần thuộc Kế hoạch.

a) Tổ chức thực hiện, tổng hợp kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị gửi về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định.

b) Lập kế hoạch vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Kế hoạch, gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

c) Rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các kế hoạch, chương trình, dự án, đề án khác trên địa bàn.

4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

a) Thành lập Ban Chỉ đạo chung các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

b) Hằng năm rà soát bổ sung, đề xuất các nội dung chương trình, dự kiến kinh phí gửi cơ quan chủ trì Dự án theo quy định.

c) Tổ chức giám sát, đánh giá và báo cáo thực hiện Kế hoạch trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo quy định.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị, xã hội từ huyện đến cơ sở thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ

chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện “Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023, giai đoạn 2021-2025” huyện Phong Thổ./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Thị Hồng Sim